

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách các đối tượng được hưởng chế độ chính sách hỗ trợ Chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ; Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ninh học kỳ I năm học 2025 - 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS TRẦN QUỐC TOẢN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 Về việc thành lập các trường mầm non, tiểu học, THCS thuộc UBND phường Uông Bí tỉnh Quảng Ninh.

Theo đề nghị của Tổ thẩm định tại Tờ trình số 435/TTr-THCSTQT ngày 20/10/2025 về việc đề nghị phê duyệt danh sách các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo quy định học kỳ I năm học 2025-2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ Chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ; Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Học kỳ I năm học 2025-2026, như sau:

1. Hỗ trợ theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025/NĐ-CP của Chính Phủ:

- Số đối tượng được hỗ trợ: **20 đối tượng.**
- Mức hỗ trợ: 150.000đ/trẻ/tháng
- Số tiền hỗ trợ : **12.000.000đồng**

(Bằng chữ: Mười hai triệu đồng chẵn)

2. Hỗ trợ theo Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh:



- Số đối tượng được hỗ trợ: **03 đối tượng**;
- Số tiền hỗ trợ : **1.800.000đ.**

(Bằng chữ: Một triệu tám trăm ngàn đồng chẵn)

Tổng kinh phí hỗ trợ : **13.800.000đ**

(Bằng chữ: Mười ba triệu tám trăm ngàn đồng chẵn))

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí không tự chủ NSNN cấp năm 2025.

Điều 2. Trách nhiệm của các bộ phận và cá nhân liên quan:

- Giao tổ thẩm định hồ sơ chịu trách nhiệm về tính chính xác, khách quan đối với kết quả thẩm định hồ sơ các đối tượng được hưởng hỗ trợ.

- Giao bộ phận kế toán nhà trường phối hợp với Kho bạc nhà nước khu vực

III - Phòng giao dịch số 14 thực hiện hỗ trợ kinh phí cho các đối tượng và thực hiện thanh quyết toán nguồn kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Các ông (bà) Ban giám hiệu nhà trường; Tổ thẩm định hồ sơ; các cá nhân có liên quan và người đại diện của trẻ có tên theo danh sách tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- Lưu VT, KT.



Nguyễn Quốc Phong



DANH SÁCH PHÊ DUYỆT CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025 - 2026
Theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính Phủ và Nghị quyết/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ninh
(Kèm theo Quyết định số 437/QĐ-THCSTQT ngày 21/10/2025 của trường THCS Trần Quốc Toàn)

ĐVT : Đồng

BVT : Đồng												
TT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Đối tượng được hưởng chính sách		Số tháng được hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ/tháng	Tổng tiền hỗ trợ	Trong đó		Số lượng phê duyệt	Ghi chú (Ghi rõ đối tượng)
				Theo Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	Theo Nghị định số 238/2025/ND-CP				Theo Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	Theo Nghị định số 238/2025/ND-CP		
TỔNG CỘNG:23 đối												
1	Phạm Đăng Hùng	09/04/2014	6A3		Điều 17 khoản 2	4	150.000	13.800.000	1.800.000	12.000.000	23	
2	Nguyễn Phúc Lộc	04/6/2014	6A3	Điều 2, khoản 1, điểm k		4	150.000	600.000	600.000		1	Gia đình khó khăn bố mẹ khuyết tật, được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng
3	Dương Đại Thành	01/11/2014	6A4		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000			1	Thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng
4	Phạm Trần Tiến Đạt	11/10/2012	7A1		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000			1	KT trí tuệ nhẹ
5	Bàn Thị Thu Hằng	22/06/2013	7A1		Điều 17 khoản 3	4	150.000	600.000			1	KT trí tuệ nhẹ
6	Đoàn Phúc Thái An	13/08/2013	7A2		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000			1	Hồ Nghệco
7	Nguyễn Lê Bảo An	05/02/2013	7A4		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000			1	Trí tuệ, thần kinh nhẹ
8	Mai Đức Huy	26/12/2012	7A7		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000			1	Ki khác nhẹ
9	Nguyễn Khắc Phong	14/10/2013	7A7		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000			1	Tâm thần nặng
10	Đào Tuấn Anh	30/12/2012	8A3		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000			1	KT trí tuệ nhẹ
11	Lê Viết Cường	07/7/2012	8A5		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000			1	KT trí tuệ nhẹ
12	Trần Ngọc Minh Thư	16/9/2009	8A5		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000			1	KT trí tuệ nhẹ
13	Đoàn Việt Anh	25/4/2011	8A6		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000			1	Vận động, nhìn, trí tuệ nặng
14	Vũ Thị Ngọc Vân	11/10/2011	8A7		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000			1	KT trí tuệ nhẹ
15	Phạm Thị Hải Yến	02/8/2012	8A11	Điều 2, khoản 1, điểm k		4	150.000	600.000	600.000		1	Trẻ e mất nguồn nuôi dưỡng, bố mẹ ly hôn có giấy xác nhận bỏ nuôi con, Bố khuyết tật; con có QĐ được hưởng trợ cấp hàng tháng.
16	Bùi Đỗ Tuấn Quang	10/1/2011	9A2		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000			1	KT trí tuệ mức độ nhẹ
17	Vũ Đức Ngọc Đông	30/3/2009	9A2		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000			1	KT trí tuệ mức độ nhẹ
18	Đào Ngọc Tiến	02/6/2011	9A4		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000			1	KT vận động thể nặng
19	Trần Phạm Khánh Huyền	09/05/2009	9A4		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000			1	KT nặng do bệnh mắc bệnh hiểm nghèo U ác tính ở não
20	Phạm Văn Bình	18/5/2009	9A6		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000			1	KT trí tuệ mức độ nhẹ
21	Lê Hà My	01/03/2011	9A7	Điều 2, khoản 1, điểm k		4	150.000	600.000	600.000		1	Trẻ e mất nguồn nuôi dưỡng đang được hưởng hỗ trợ hàng tháng
22	Nguyễn Như Bảo Nam	19/9/2011	9A8		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000			1	KT trí tuệ mức độ nặng
23	Phạm Tuấn Anh	03/11/2010	9A9		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000			1	KT trí tuệ mức độ nhẹ

(Danh sách gồm có 23 đối tượng)